

## Chữ nghĩa làng văn

“Chữ nghĩa làng văn” đôi khi chỉ là một chữ, cụm từ, đoạn văn cô đọng, điển nghĩa, điển giải một áng thơ văn hoặc một thể tài nào đó. Những trích dẫn được gộp nhặt qua sách vở, trên mạng lưới của nhiều tác giả thành danh hay khuyết danh, không ngoài góc nhìn tận tụy như bắt như vô thụ. Ấy là chưa kể nhiều từ ngữ, đề mục trong bộ sưu tập đang còn trong vòng nghi vấn, cần phải thẩm định lại nếu có thể được với những bậc thức giả văn kiến súc tích. Những phụ chú, dẫn chứng hay giai thoại do người viết kể lại, với chủ quan, khách quan chỉ cách nhau một sợi tóc. Vì vậy người sưu tầm không đặt ra “sai” hay “đúng”, vì cái sai hiện tại có thể là cái đúng ở một thời điểm nào khác. Xin chân thành cảm tạ và cáo lỗi những tác giả đã đóng góp bài vở trong sưu tập này, nhưng vì phương tiện eo hẹp nên người sưu tầm không thể thỉnh ý tác giả trước khi đăng tải – Ngô Không Phi Ngọc Hùng.

\*\*\*

### Số 57

#### Bắc Nam

Người Bắc lúc nào cũng lịch sự, khi nói chuyện với bạn của người thân trong gia đình vai vế nhỏ hơn mình thì luôn luôn hạ danh xưng mình bằng người thấp hơn. Tôi còn nhớ khi còn học tiểu học, một cậu bé đến nhà rủ tôi đi học chung. Lúc ấy tôi đang tắm, bố tôi ngồi trong nhà mới nói với cậu bé:

- Em còn đang tắm, anh vào nhà ngồi chơi một chốc đợi em nó xong thì sẽ ra đi với anh.

Thằng nhỏ người Nam chỉ mới mười tuổi thấy ông già ngồi trên ghế sa-lông gọi mình là anh nên sợ hãi đá ra cả quần không dám đứng đợi tôi, bỏ ù chạy mất.

(Nguyễn Tài Ngọc – Bắc kỳ)

#### Thằng Mỡ

Mọi người còn nhớ thằng Mỡ của Ngô Tất Tố có tài băm thịt gà, xứng đáng với danh hiệu nghệ sĩ. Chỉ có thằng mỡ mới gánh nỗi trách nhiệm chia phần công bằng cho cả làng. Một con gà "một người ăn có mới hết", được Mỡ chặt ra chia làm 23 cỡ, 83 suất. Không có "thiên tài" băm gà của Mỡ, làng nước sẽ khó tránh được những cuộc cãi nhau, tranh giành, thậm chí hại ngầm nhau.

Nhưng có lẽ giỏi nhất, thông minh nhất trong làng Mỡ, thì là thằng Mỡ làng Cổ Nhuế của Hồ Hữu Tường. Thằng Mỡ được ông tiên chỉ của làng mời làm cố vấn, giải quyết tất cả những chuyện rắc rối diên đầu. Mỡ được sứ Tàu bãi phục sát đất.

Nam Cao đưa ra một thằng Mỡ, hiền lành lương thiện nhưng bị xã hội làm cho xấu đi.

*(Phụ chú: Làng Cổ Nhuế là tên Hán, tên Nôm là làng Kẻ Noi)*

#### Nói lái

Ông Lãng Nhân, trong quyển *Chơi chữ* có nhắc đến những chuyện nói lái như Trạng Quỳnh hay nghịch ngợm phá phách qua chuyện nói lái “đại phong” ra đồ chùa đến “lọ tương”. Một hôm nghe một bà mệnh phụ phu nhân đi dạo ngoài thành, ông Trạng Quỳnh ngồi đón bên chân cầu, bà mệnh phụ đi qua thấy ông Trạng đá nước vung tứ tóe. Bà hỏi ông làm gì, ông trả lời là... “đá bèo cho vui”.

Với ... “đá bèo” nói lái là “đéo bà”.

(Nguyễn Hữu Phước – Nói lái)

## Chinh phụ ngâm

Khúc *Chinh phụ ngâm* bằng chữ Nôm là bản diễn nôm *Chinh phụ ngâm* chữ Hán của Đặng Trần Côn. Hiện nay người ta chưa biết chắc ai là dịch giả, bà Đoàn Thị Điểm hay ông Phan Huy Ích. Nhưng Bộ giáo dục Hà Nội đã theo Hoàng Xuân Hãn mà nhận là Phan Huy Ích. Hoàng Xuân Hãn dựa vào chuyện là con cháu của cụ là Phan Huy Chiêm có những chứng từ gia phả dòng họ Phan ở phủ Quốc Oai, từ thời Tây Sơn với bản chép tay "*Chinh Phụ Ngâm Diễn Âm Tân Khúc*" cơ đấy.

Gần đây, hỏi Phan Huy Chiêm về chứng từ ấy, ông không đưa ra được...bản chép tay "*Chinh Phụ Ngâm Diễn Âm Tân Khúc*" của Phan Huy Ích từ gia phả dòng họ Phan.

(Tạ Quang Khôi – tạp chí Tân Văn)

## Tiếng Việt vừa khó vừa dễ

Các chữ nói về con lợn : Trư, Thi, Đồn, Trệ.

- Trư Bát Giới : Lợn trong Tây Du Ký của tác giả Ngô Thừa Ân
- Trư tiến môn, bách phúc lâm : Lợn vào nhà, trăm điều may mắn.
- Trư Bát Giới đảo đảo nhất bà : Ý nói vừa đánh trống vừa ăn cướp.
- Trư đa phi đa : Càng nhiều heo, càng được nhiều phân bón.
- Trư vãng tiền cũng, kê vãng hậu vát - cách hữu cách đích hoạt lộ : Ý nói ai cũng có cách làm việc riêng để đạt kết quả
- *Dưỡng nam bắt giáo, bắt như dưỡng lư - Dưỡng nữ bắt giáo, bắt như dưỡng trư. (Nuôi con trai mà không giáo dục thì chẳng bằng nuôi con lư. Nuôi con gái mà không giáo dục thì chẳng bằng nuôi con heo).*

- *Thi* nghĩa nguyên thủy là chuồng heo. Sau trở thành *chuồng xí hay cầu tiêu*.
- Thi đột lang bôn: ý nói chạy đi đột ngột và nhanh như heo và lang sói.
- Thi giao thú súc : đối xử như súc vật, ý nói không được lễ phép.

- Đồn đề nương điền : Đồn là lợn sữa, bỏ ra thì ít, lấy lại thì nhiều.

- Loài cầu trệ : Cầu chửi, loài chó lợn.

Hán Vũ Đế lúc sanh ra tên là Trệ (con heo). Khi lên 7 tuổi thì Hán Canh Đế mới đổi ra thành Triệt dựa vào câu nói "Trệ giả, triệt giả".

(Trau giồi tiếng Việt - ĐatViet.com)

## Chữ nghĩa làng văn

Chính sự giao lưu giữa các nền văn hóa đã sản sinh ra những loại từ như "chó *má*", "tre *pheo*", "vườn *tưọc*".

"Chó", "tre", "vườn" là tiếng Việt,

- "*má*" là tiếng chỉ "chó" của người Tày (to ma).

- "*pheo*" và "*tưọc*" là tiếng chỉ "tre" và "vườn" của người Mường.

Cũng như "*hằm bà lằng*" là xuất phát từ tiếng Ba Na mà ra.

(Trần Quốc Vượng - Văn hóa Việt Nam, tìm tòi và suy ngẫm)

## Sách báo miền Nam

Về nhật báo cũng có nhiều khuynh hướng khác nhau. Trong khi có những tờ báo thiên về thông tin, và bình luận như Chính Luận thì cũng có những tờ báo mang sắc chính trị, không chấp nhận Cộng sản có Xây Dựng, Hòa Bình, Ngôn Luận, Tự Do..v..v.. Chống chính phủ có Tin Sáng, Tiếng Nói Dân Tộc.

Ngoài ra quân đội cũng có báo riêng như Tiền Tuyến, Chiến Sĩ Cộng Hòa, Điều Hâu, Lý Tưởng. Đặc điểm những tờ báo này bài vở nội dung không thua gì như những báo tư nhân trên.

*(Phụ đính: Đứng ra là Đại Dân Tộc).*

(Mặc Giao – Văn hóa Việt Nam)

## Chữ nghĩa biên khảo

Mắm bò hóc: Xuất xứ từ Cao Miên. Tên chữ là “*po-ro hóc*”.

Mắm bò hóc khác với mắm Thái được làm bởi cá *lóc*. Cá được thái thành sợi, ngâm muối sau đó được chao đường Thốt Nốt trắng cho có chỉ rồi thêm gia vị, màu thính phải tươi, hạt thính nhuyễn, đường trắng kẹo sệt có màu vàng đỏ. Đu đủ trộn với mắm bào thành sợi mỏng. Tỷ lệ thịt và đu đủ sao cho sợi mắm không bị nhão, có vị bùi của mắm, vị ngọt, dòn của đu đủ. Mắm ruốc là mắm làm từ...*con ruốc*)

(Nguyễn Nguyên - Những mùa xuân năm cũ)

## Câu cú

Giáo sư dạy văn, đồng thời cũng là nhà phê bình văn học...phê bình văn học miền Bắc: Khuynh hướng lấy châu Âu làm chuẩn mực quá đã gây tác hại trong việc xây dựng ngữ pháp tiếng Việt. Người ta máy móc dựa vào mô hình mệnh đề của châu Âu, nhất là của Pháp, chủ từ + động từ + bổ từ để viết những câu ngô nghê kiểu như: “Tôi đã gửi các tài liệu cho ông, ngày mai ông sẽ nhận được *chúng*”.

Trong tiếng Việt, nói cũng như viết, bổ từ thường được tinh lược, để hiểu ngầm: “Tôi đã gửi tài liệu cho ông, ngày mai ông sẽ nhận được”. Chỉ vậy là đủ, không cần phải các để chỉ số nhiều và chúng để bổ nghĩa cho động từ nhận.

Người Việt nói (và viết):

“Lùa vịt ra đồng”. Chứ không: “Lùa những con vịt ra đồng”. Hoặc: “Hắn rút một liều thuốc châm lửa hút”. Chứ không: “Hắn rút một liều thuốc, châm lửa nó và hút nó”.

## Giai thoại làng văn 54-75

Sau buổi tối hội ngộ đó, tôi (Tạ Ty) đã coi Nguyễn Sa như người bạn cũ. Tôi nhớ, trước khi về Nguyễn Sa có tặng tôi một bài thơ mang tựa đề “Nga”, in trên giấy láng, được dùng thay thiệp báo hỷ, ấn loát tại Ba-lê ngày 10-12-1955. Bài thơ này Nguyễn Sa sáng tác tại Solden, năm 1954. Tôi yêu bài thơ đó lắm, tuy nội dung chưa vượt khỏi ước lệ thông thường với suy tư và rung cảm của một tình nhân đối với một tình nhân.

*“Hôm nay Nga buồn như con chó ốm  
Như con mèo gái ngủ trong tay anh  
Đôi mắt cá ươn sắp sửa se mình  
Để anh giặt sao chẳng là nước biển...”*

(Tạ Ty - Nguyễn Sa và ngôn ngữ tình yêu trong thi ca)

## Truyện cực ngắn - Con ma nhảy múa

Truyện chộp hay cực ngắn có truyện chỉ một vốc chữ, thậm chí một dúm câu. Nhưng truyện vẫn có hồn, có cốt, có tráng qua một chút văn chương. Nghĩa là đọc nó, người ta không có cảm giác ngột ngột như bị vo nén lại rồi nhét vào trong cái ống điếu, như...

Bạn đã bao giờ thấy một con ma nhảy múa chưa?  
Nó đang ở trước mặt bạn đấy.

### Tục ngữ Ta và Tàu

Qua sông đấm bồi vào sóng

Niệm hoàn liễu kinh, đã hòa thượng  
(*Kinh kệ xong xuôi, đã ngay hòa thượng*)

(Nguyễn Lập Sơn – Dư Phát Linh)

### Từ điển văn học bộ mới

Vừa được phát hành đầu năm 2005. Nói là tái bản của Từ Điển cùng tên, ra đời trước đây hai mươi năm và có nhiều thay đổi cái nhìn mới, tư duy mới, và cái mới nghiêm túc. Một ví dụ đánh dấu cởi mở, là nhiều tác giả miền Bắc và nhiều tiết mục đã được thay thế hoàn toàn – thay cả người chấp bút ; những bài, rất nhiều, trước đây ký tên *Phương Lưu* được thay bằng bài của *Lại Nguyên Ân*, lấy ra từ sách có sẵn là 150 Thuật Ngữ Văn Học, in năm 1999, mục nào không có trong số 150 này thì loại bỏ, như " trào lưu văn học " " trường phái văn học " ; bỏ cả Tư Tưởng Văn Nghệ Lê Nin ; Tư tưởng Văn Nghệ Mac-Angghen hai đề mục dài bốn trang rưỡi của Phương Lưu ngày xưa.

Không hiểu đây là chọn lựa hay tranh chấp nội bộ, nên tôi không dám lạm bàn.

(Đặng Tiến – Chimviet.free.fr)

### Tục ngữ Tàu

Biện tửu bất nan thỉnh khách nan  
Thỉnh khách bất ban, khoản khách quan

(*Bày tiệc không khó, mời khách khó  
Mời khách không khó, đãi khách khó*)

(Nguyễn Lập Sơn – Dư Phát Linh)

### Tiếng Việt, dễ mà khó

Trước đây, đã lâu lắm, đọc cuốn *Ngôn Ngữ và Thân Xác* của Nguyễn Văn Trung, tôi thấy tác giả giải thích hai chữ "vợ chồng" đại khái như sau:  
"Chồng" là chồng lên nhau, nằm lên nhau.

Còn chữ "vợ"? Nguyễn Văn Trung chỉ viết bằng quơ, trong câu chú thích in cuối trang: "Chữ vợ phải chằng là vợ, vớ, đọc trại đi, theo giọng nặng; nếu thế, chữ vợ chỉ thị việc quơ lấy quàng lên, vơ vào, phù hợp với việc chồng lên trong hành động luyến ái?"

Đọc đoạn ấy, tôi hơi ngờ ngờ, nhưng rồi cũng bỏ qua, không chú ý mấy. Gần đây, tôi sực nhớ lại vấn đề ấy khi đọc cuốn *Phương Ngữ Bình Trị Thiên* của Võ Xuân Trang. Tôi được biết là ở Bình Trị Thiên, thay vì nói cái "vai", người ta lại nói cái "bai"; thay vì nói đôi "vú", người ta lại

nói đôi "bù"; thay vì nói "vải", người ta lại nói "bãi"; thay vì nói "vá" áo, người ta nói "bá" áo; thay vì nói "vào" (vào miệng), người ta lại nói "bả" (vào miệng).

Qua những sự hoán chuyển giữa hai phụ âm "v" và "b" như thế, tự dưng tôi nảy ra ý nghĩ: phải chăng nguyên uỷ của chữ "vợ" là... bợ? "Vợ chồng" thực ra là "bợ chồng"?

Đặt trong toàn cảnh mối quan hệ giữa hai phụ âm "v" và "b" cũng như quá trình biến đổi phụ âm đầu như thế, chúng ta sẽ thấy ngay giả thuyết cho nguồn gốc của chữ "vợ" trong "vợ chồng" là "bợ" rất có khả năng gần với sự thật. "Vợ chồng" như thế, thực chất là "bợ chồng". "Bợ": từ dưới nâng lên; "chồng": từ trên úp xuống. Danh từ "bợ chồng" diễn tả tư thế thân mật giữa hai người nam nữ khi ăn ở với nhau. Cách gọi tên khá thật thà như thế kể cũng thú vị đấy chứ?

(Nguyễn Hưng Quốc - e-cadao.com)

### **Dầy như đất**

Một lần lễ lộc nhà nấu xôi chè, sau khi cúng kiếng và gia đình đã ăn xong, mẹ tôi bảo anh tôi, lúc bấy giờ khoảng chừng sáu tuổi, mang sang biếu nhà bà Bác ở xóm kế bên.

Anh tôi trở về nhà báo cáo với bố tôi là sứ mạng đã hoàn thành:

- Thưa Thầy con đã mang chè sang biếu Bác.
- Con mang sang cho Bác, có nói gì với Bác không?
- Dạ, con nói với Bác là nhà cháu ăn thừa mang sang biếu Bác...

Bố tôi nghe đến đây thì nổi ngay lên một cơn nhồi máu cơ tim:

*-Ồi giờ ơi cái thằng chết tiệt! Ai bảo con lại nói thế? Cái thằng tối như đêm, dầy như đất!*

Từ đó anh tôi có cái tên: "*Cái thằng mặt dầy như đất*".

(Nguyễn Tài Ngọc – Bắc kỳ)

### **Thôn Đoài**

Tiếng Hán theo quẻ Càn với *Đoài* là người con gái ở phương tây. Cho nên trong tiếng Việt thường nói "*thượng hạ đông đoài*", thôn *Đoài* là thôn ở phía tây.

Cũng theo quẻ Càn với *Cấn* là người con trai ở phương đông. Ca dao có câu "[Làm trai cho đáng nên trai – Xuống Đông, Đông tỉnh, lên Đoài, Đoài yên](#)".

Trong bài thơ *Tương tư*, Nguyễn Bính viết: "[Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông – Cau thôn Đoài nhớ giàu không thôn nào?](#)".

(Trần Ngọc Thêm – Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam)

### **Tiếng Việt thương không...dễ**

Các câu ví von miền Nam :

- Không có chó, heo gác cửa. Không có gà, ngỗng báo thức.
- Hỏi hổ mượn heo.
- Người sợ nổi tiếng, heo sợ vỗ béo.
- Kẻ điếc không sợ súng, heo chết không sợ bóng.
- Mặt heo hay mặt lợn.
- Heo mắc nợ chó.
- Heo cười quạ đen, quạ cười heo chẳng ra màu
- Heo xổng chuồng, chuồng không xổng heo.

- Heo gánh gộc chuối
- Nuôi heo lấy mỡ, nuôi người ở đỡ chân tay.

(Trau giồi tiếng Việt - ĐatViet.com)

## Văn hóa cà phê

Sân trường Văn Khoa cũ vào thời điểm 1963-1967, khu đất ở khúc cạnh đại lộ Gia Long là sân trồng anh em dựng lên ngôi nhà mỗi bề 5 hay 6 mét gì đó, mái tôn, tường bằng liếp, ván ép. Và thêm tám bì viết tay đề hai chữ Quán Văn. Thế là *Quán Văn* hiện diện.

Một trong mấy nhân vật chủ trì quán này là Đỗ Việt Anh, Đinh Bá Ái vốn học Dược khoa. Rồi thêm Phan Huy Đạt học Sử địa đại học Sư phạm, Ngô Vương Toại, Hoàng Xuân Sơn, Hoàng Ngọc Tuấn. Chỉ vài tháng sau, những bàn ghế nhỏ của Quán Văn đã lan ra sân trường với những đêm văn nghệ ngoài trời. Nơi đó những Khánh Ly, Trịnh Công Sơn, Vũ Thành An, Từ Công Phụng, cặp Lê Uyên Phương xuất hiện...

(Phạm Quốc Bảo – Những mối giao tình thân hữu...)

## Chữ nghĩa lơ mơ lỗ lỗ

Vợ là...“cơm nguội” của ta  
Nhưng là...“phở tái” của cha láng giềng!!!

## Chén thù chén tạc

Uống kiểu chén thù chén tạc là uống hai người : chủ và khách.  
Bên chủ là bên " tạc " có nghĩa là chúc mừng.  
Bên khách là bên " thù " có nghĩa là uống đáp lại.

(Lý Khắc Cung - Uống rượu kiểu Việt Nam)

## Bài thơ Cảnh thu

Thánh thót tàu tiêu mấy hạt mưa  
Khen ai khéo vẽ cảnh tiêu sơ

Bài "*Cảnh Thu*" trên nhiều người cho rằng có thể là của bà Hồ Xuân Hương chứ không phải là của bà Huyện Thanh Quan.

(Nguyễn Vĩnh-Tráng - Chimviet.free.fr)

## Bòng bong che...

Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888) là một nhân chứng của thời kì Pháp xâm chiếm Nam Kỳ. Văn thơ của ông ghi lại được nhiều sinh hoạt xã hội đương thời.

Chẳng hạn như hai câu: "*Bữa thấy bòng bong che trắng lớp muốn tới ăn gan - Ngày xem ống khói chạy đen sì muốn ra cắn cỏ*".

*Bòng bong* được định nghĩa là một thứ cỏ rối (*Việt Nam tự điển*, Khai Trí Tiến Đức, 1931); một loại dây leo mọc xoắn vào nhau thành từng đám, ở bờ bụi. *Bòng bong* còn có nghĩa là xơ tre vót ra bị cuốn rối lại, thường dùng để ví tình trạng rối ren (*Từ điển tiếng Việt*, Hoàng Phê, 1988). Nếu *Bòng bong* chỉ có nghĩa như vậy thì dứt khoát nó không phải là một đồ vật (trắng lớp) dùng để che. *Bòng bong* của Nguyễn Đình Chiểu chắc chắn không phải là *Bòng bong* của tiếng Việt ngày nay.

*Bồng bong, bong, bùng hay bặt* là tấm vải lớn che mưa nắng, cuộn lại được. Nguyễn Đình Chiểu *thấy bồng bong che trắng lớp* nghĩa là thấy tàu Pháp *giăng bặt màu trắng*, chạy trên sông.

(Nguyễn Dư – Chimviet.free.fr)

### **Đau thiết, thiết van**

“**Thiết**” là một biến thể ngữ âm của “siết” trong “rên siết” là một từ Việt gốc Hán bắt nguồn ở âm Hán Việt là “sất” có nghĩa là la, hét. “**Sất**” còn có nghĩa đánh bằng roi mà âm xưa cũng là “thét” như trong *Chinh phụ ngâm*, câu: “**Thét** roi cầu Vị ào ào gió thu”.

Vậy “thiết” có nghĩa là...thét, la hét và “*đau thiết, thiết van*” có nghĩa là đau thì rên rĩ mà thiết thì năn nỉ.

(Phan Trọng Hoa – Thành ngữ, tục ngữ khó hiểu)

### **Chữ nghĩa thập niên 20**

*Hoa đào* – Âm chỉ mỹ nhân, *Trang đài ký* chép rằng; Trong cung vua Văn đời Tùy, gọi là *Đào hoa điện*, Tô Thúc khi uống rượu với Nhân sơn cư sĩ có ngâm rằng “Thập phân liễm điểm quân hưu xích – Thá khán đào hoa hảo diện bì”, nghĩa là bác hãy cứ xem mặt hoa đào đẹp thế nào, thì mặt say rượu này đẹp như thế.

(Phan Mạnh Danh – Thập nhị văn)

### **Viết hoa địa danh**

Có nhiều cách viết.

Thí dụ: Sài Gòn, Sài gòn, Sài-Gòn, Sài-gòn, Saigon...

Đối với tên người và tên nơi chốn, viết hoa chữ cái đầu tất cả các âm tiết, không dùng gạch nối. Thí dụ: Trần Quốc Toản, Quang Trung, Hà Nội, Bình Trị Thiên, Vũng Tàu.

Thế nhưng, không ít trường hợp vẫn còn khiến mọi người băn khoăn. Viết miền Nam hay Miền Nam, viết Bắc bộ hay Bắc Bộ, viết kiểu nào?

(Nguồn : e-cadao.com)

### **Lịch Tàu, lịch ta**

Người Việt nói lịch Ta là lịch Tàu. Nhưng người Tàu gọi tên 12 con giáp khác hẳn Ta:

- Thử, ngưu, hổ, miêu, long, xà, mã, dương, hầu, kê, khuyển, trư.

Với lịch Ta, riêng năm sửu bắt nguồn tiếng Mường: “trư”, sau này phiên âm Hán-Việt từ “*tru*” thành... “*trâu*”.

Với năm *thìn*. Chữ *thìn* chỉ con rồng vốn có nghĩa là...*con rùa*.

Xưa kia, tiếng Việt cổ gọi con rùa, con ba ba là con *đin đin*. Ca dao có câu “Mồng tơi chưa chín, *đin đin* đã rừ”.

Người Phúc Kiến gọi con thìn là con *đin*. Cung thìn, trong thiên văn cổ Tàu gọi là cung *huyền vũ* và ứng với chòm sao *thọ tinh* (huyền vũ là rùa đen, loại rùa sống lâu). Sau người Tàu đổi tên thành *Thiên long*.

(Trần Ngọc Thêm – Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam)

## Muối tinh

Chữ nghĩa "Âm thực" thì dường như người ta lại không thấy cần từ ngữ "chuẩn" cho lắm. "Muối vừng" có thể có đến 80% là lạc rang giã nhỏ trộn vừng. Ốc nhồi lá gừng có thể là ốc luộc với lá chanh !Tôi muốn mua muối để đánh răng, người ta đưa cho tôi một lọ muối trộn với gia vị, tôi chưa bao giờ đánh răng với gia vị và cũng không muốn thử.

Nếu muốn có muối như tôi hiểu thì phải nói rõ là "muối tinh".

(Nguyễn Thị Chân Quỳnh – Câu chuyện “hội nhập”)

## Giai thoại làng văn 54-75

Nguyễn Thụy Long với tôi (Cung Tích Biền) có cái số viết cùng một tờ báo, rất lâu dài như Nghệ Thuật, Khởi Hành, Sống, Đời, Sóng Thần, Độc Lập, Đông Phương...

Sài Gòn xưa [trước 1975 nay là ...xưa rồi], có một cái vui là có những con đường nhiều nhà in, các tòa soạn báo nằm gần nhau. Có tòa soạn báo là có quán rượu, quán cà phê. Anh em tạt qua tạt về, rất gần gũi. Làm báo thuở này chủ nhiệm, thư ký tòa soạn thì cực nhọc lvi nhiều mặt trực diện phải đối phó như chiến sự, lập trường chính trị. Hàng ký giả cũng phải chạy đó đây nhật qư tin tức, nhiều hiểm nguy khi phải lấy tin chiến trận. Nhưng làm anh sáng tác văn, phóng sự, bút ký thì nhàn nhã hơn.

Sáng ngồi cà phê viết bài. Chừng 11 giờ sáng là hết hạn giao bài [nhật báo Sài Gòn thuở ấy phát hành vào lúc 4 tới 5 giờ chiều, tùy báo...] Bài vở xong là lai rai thư thả. Cánh văn nghệ không lo xa. Rảnh rỗi, nhưng không hề ngồi viết tiếp bài dự phòng cho ngày mai. Mai hăng hay, anh em tụ trên lầu với canh xì phé.

Chỉ một quãng đường Phạm Ngũ Lão [nay là khu Tây Ba lô] trước sau có tòa soạn Văn [Nguyễn Đình Vượng – Trần Phong Giao], tuần báo Nghệ Thuật, Khởi Hành [hai tờ này do nhà văn Mai Thảo và nhà thơ Viên Linh đứng đầu], nhật báo Hòa Bình [Linh mục Trần Du]. Nhà báo Đinh Từ Thức cực kỳ nổi tiếng ở báo này qua bút hiệu Sức Mấy, với mục “phim” hằng ngày, ngay trang nhất.

Trên đường Võ Tánh có nhiều nhà in, nhiều tòa soạn báo kề cận nhau. Trước kia có nhật báo Tự Do (Phạm Việt Tuyên, Nguyễn Hoạt, Hà Thượng Nhân, tòa soạn Độc Lập [Đinh văn Phát, Hoàng Châu] nhật báo Điện Tín [Hồng Sơn Đông cùng nhóm C.S năm vùng, núp bóng Lực lượng thứ ba Lý Chánh Trung, Huỳnh Bá Thành...] Nhật Báo Đông Phương, báo này có sự giúp đỡ về tài chánh của Nguyễn Tấn Đòì] nhật báo Sóng Thần [Chu Tử, Trùng Dương, Uyên Thao].

(Cung Tích Biền – Kỷ niệm cùng Nguyễn Thụy Long)

## Câu đối phúng

*Nhà chửi rất nghèo thay, nhờ được bà hay lam hay làm, thất lưng bó que, xắn váy quai cồng, tất tưởi chân nam chân chiêu, vì tớ đỡ đần trong mọi việc.*

*Bà đi đâu vội mấy, để cho lão vất vơ vất vưởng, búi tóc củ hành, buông quần lá toạ, gạt gù tay đũa tay chén, cùng ai kể kể chuyện trăm năm.*

(Nguyễn Khuyến: câu đối khóc vợ)

## Truyện chớp - Chiến tranh

Lần ấy, đại đội hắn bị phục kích. Bọn bè chung quanh hắn đều bị bắn gục. Hắn kinh hoàng vùng lên chạy. Đạn bắn gắt theo sau. Hắn vẫn chạy. Tiếng đạn rượt theo. Véo véo véo. Hắn vẫn chạy. Lâu, thật lâu sau, tiếng đạn thưa dần rồi tắt hẳn. Hắn kiệt sức nằm xoài trên một bãi cỏ, giữa một khu rừng thưa. Trời gần sáng. Chung quanh thật im ắng. Hắn chỉ nghe tiếng hắn thở. Rồi bỗng dưng hắn nghe có tiếng sột soạt trong một bụi rậm phía trước. Hắn giật mình, tay ghì chặt khẩu súng, mắt chăm chăm nhìn. Im lặng. Hắn toan gục đầu xuống nghĩ thì lại

nghe tiếng sột soạt vang lên. Hấn lại căng mắt ra nhìn. Hình như có bóng người lom khom sau lùm cây.

Cái bóng ấy rõ ràng là đang rình hấn. “Tiên hạ thủ”, ý nghĩ ấy vừa loé lên trong đầu, hấn đã bóp cò. Đoàn. Tiếng nổ khô, lạnh. Cái bóng nọ gục xuống. Chờ một lúc, thấy chung quanh vẫn im tĩnh, và trời lại hừng sáng, hấn mới chồm dậy, chạy lại bụi cây dò xét. Hấn giật mình thấy hấn đang nằm chết, viên đạn xuyên từ trán ra sau ót, nhưng không có một giọt máu nào cả.

### **Bản tin báo Chính Luận 1-5-65 Nổi cơn ghen, chém chồng suýt bay “của quý”**

TÂY NINH.- Một vụ ghen tương chém chồng suýt vong mạng vừa xảy ra tại tỉnh lỵ Tây Ninh, hôm 27-4- vừa qua. Theo người hiểu chuyện cho biết: Ông Huỳnh Văn Ngh. (33t) ở đường Huỳnh Văn Lợi, Tây Ninh, có người vợ kế tên là Lưu Bích Th (30t). Nhưng gần đây, ông Ngh. lại lén lút tư tình với một người đàn bà khác. Nội vụ thấu tai bà Th. và chiều ngày nói trên, bà Th. nổi cơn ghen vác củi đập chồng túi bụi. Ông Nguyễn Văn N. (người lối xóm) và bà Lưu Thị M. (bà con với bà Th.) chạy sang can thiệp, thì kẻ bị bà Th. đánh, người thì bị bà vu cáo là cướp chồng nên đều rút lui. Chưa đã cơn ghen, bà Th. còn xách dao đâm chồng nhiều nhất gần đứt “của quý”. Lúc đó bà con lối xóm đổ xô ra can thiệp và chở ông Ngh. vào nhà thương.

### **Thơ thiền**

Chúng ta bắt gặp tính chất vô thường của thơ Thiền đời Lý - Trần trong bài "Chợt tỉnh" của Tuệ Trung:

*Đoán biết rằng “không” và “có” không cách nhau lắm  
Sống và chết vốn từ một đợt sóng  
Trăng sáng đêm qua vẫn là trăng đêm nay  
Hoa nở năm mới cũng là hoa năm cũ  
Ba sinh thắm thoát thực như ngọn đuốc trong gió  
Chín cõi tuần hoàn giống như con kiến bò trên miệng cối xay bột  
Có người hỏi thế nào là cứu cánh  
Ma-ha-bát-nhã tát-bà-ha*

Trong các bài thơ Thiền đời Lý - Trần, các nhà thơ cũng phản ánh thân phận con người ngắn ngủi và chóng vánh. Đời người chỉ “như một ánh chớp, mới có đã thành không” (“Thị đệ tử” - Vạn Hạnh). Tính chất vô thường này được biểu hiện sinh động qua hình ảnh “ba sinh thắm thoát như ngọn đuốc trước gió” (“Đốn tỉnh” - Tuệ Trung).

Tất cả, cuộc sống, công danh phú quý, hạnh phúc tuổi xuân, đều chỉ là một giấc mộng ngắn ngủi, một áng mây nổi tụ tán không định trước, một mũi tên bay mất hút không trở lại. Các nhà thơ Thiền luôn kêu gọi mọi người nhận thức rõ điều này “mặt trời lên rồi sẽ lặn, đời người nổi rồi sẽ chìm” (“Thư thời vô thường kệ” – “Khóa hư lục”, Trần Thái Tông); “tháng ngày không ở lâu; cái già, cái bệnh rất dễ xâm nhập” (“Hoàng hôn khuyến chúng kệ” – “Khóa hư lục”, Trần Thái Tông), kêu gọi con người nhìn thẳng vào thực tế.

Tính chất ngắn ngủi vô thường của thời gian trần thế cần được ý thức không phải để bi quan yếm thế mà để vượt lên khỏi nỗi sầu cố hữu này, đạt đến tâm thái “*Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận - Đình tiền tạc dạ nhất chi mai*” (“Chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết - Đêm qua sân trước nở một nhành mai”) (“Cáo Tật Thị Chúng”, Mãn Giác thiền sư).

(Đoàn Thị Thu Vân - Thơ Thiền Việt Nam thế kỷ X - thế kỷ XIV)

### **Ma ha**

“Ma ha” là tên một con sông ở Ấn Độ. Tương truyền các sư sãi tắm ở sông này thì tẩy hết bụi trần, trở nên thanh thản.

Trong bài *Sãi vãi* của Nguyễn Cư Trinh có câu “rửa bụi trần, sãi vui nước ma ha”.

### Tiếng Việt, dễ mà khó

Tình cờ tôi chú ý đến chữ "đút" trong một câu văn không có gì đặc biệt: "Chị ấy đút vội lá thư vào túi quần..." Từ chữ "đút" ấy, tôi chợt liên tưởng đến chữ "rút": Cả hai từ làm thành một cặp phản nghĩa: đút (vào) / rút (ra).

Điều làm tôi ngạc nhiên là cả hai từ đều có phần vần giống nhau: "-út". Chúng chỉ khác nhau ở phụ âm đầu mà thôi: một chữ bắt đầu bằng phụ âm "đ-" (đút) và một chữ bằng phụ âm "r-" (rút). Hơn nữa, cả từ "đút" lẫn từ "rút", tuy phản nghĩa, nhưng lại có một điểm giống nhau: Cả hai đều ám chỉ sự di chuyển từ không gian này sang không gian khác. "Đút" cái gì vào túi hay "rút" cái gì từ túi ra cũng đều là sự chuyển động từ không gian trong túi đến không gian ngoài túi hoặc ngược lại.

Tôi nghĩ ngay đến những động từ có vần "-út". khác trong tiếng Việt và thấy có khá nhiều từ cũng có nghĩa tương tự. "Sút" là động tác đưa bóng vào lưới. "Hút" là động tác đưa nước hoặc không khí vào miệng. "Mút" cũng là động tác đưa cái gì vào miệng, nhưng khác "hút" ở chỗ vật thể được "mút" thường là cái gì đặc. "Trút" là đổ cái gì xuống. "Vút" là bay từ dưới lên trên. "Cút" là đi từ nơi này đến nơi khác do bị xua đuổi.

Nếu những động từ có vần "-út" thường ám chỉ việc di chuyển giữa hai không gian thì những động từ có vần "-un" lại ám chỉ việc dồn ứ lại thành cục trong một không gian nhất định nào đó, là có giới hạn. "ùn", "chùn", "dùn", hay "đùn" đều có nghĩa như thế. "Thun" hay "chun" cũng như thế, đều chỉ cái gì bị rút, bị co. "Cùn" là bệt ra. "Hùn" là góp lại. "Vun" là gom vào. "Lùn" hay "lụn" là bẹp xuống. Cả những chữ như "lùn" hay (cụt) "lùn", (ngắn) "ngùn", "lũn cùn"... cũng đều ám chỉ cái gì bị dồn nhỏ hay thu ngắn lại.

(Nguyễn Hưng Quốc - e-cadao.com)

### Thông Loại Khóa Trình

Nó giống như Gia Định Báo (Số 1 ra ngày 15-4-1865), ở chỗ có hàng chữ Hán Thông Loại Khóa Trình (Juillet 1888). Kể từ số 6 mới có các bài văn vần, gọi là diễn Nôm của Trương Minh Ký làm để giải nghĩa các câu chữ Nho, có lẽ để cho người ta dễ học thuộc lòng, sau đó mới có bài của những người khác. Về nội dung gồm có :

Dạy chữ Nho (chữ Hán), dạy chữ Pháp (thời bấy giờ gọi là Phang sa hay Lang sa), giảng nghĩa về luân lý, khảo cứu về thi ca, phong tục.

Sau đây là các bài trích dẫn:

Thập phần tinh tinh sử ngũ phần, lưu thủ ngũ phần giữ nhi tôn  
Thập phần tinh tinh đồ sử tận, hậu đại nhi tôn bất như nhân

Trương-Minh-Ký diễn ra ca Nôm rằng:

Mười phần rờ rờ lấy năm xài, Để lại năm phần trẻ gái trai,  
Rờ rờ mười phần đều dùng hết, Đòi sau con cháu dám bì ai.

(Huỳnh Ái Tông – Báo chí)

### Tiếng Việt không đơn giản

Xin các bạn chỉ giáo dùm, tiếng Việt tui cũng dốt lắm, hôm New year, bạn bè tui có giỡn về tiếng Việt, tui tui thắc mắc mà không ai giải đáp được, ai biết xin chỉ dùm tui:

- Chồng chết thì người ta gọi vợ là "góa phụ"
- Còn vợ chết , người ta gọi chồng là gì??

Bạn tui trả lời là "quá đã" (hiii)

Xin cho câu trả lời trúng, cảm ơn à nha .

(Trau giỏi tiếng Việt - ĐatViet.com)

### Chữ nghĩa làng văn

Về văn hóa ẩm thực có những tiếng thật hay như:

*Đánh chén, cơm đèn, cơm đóm, cơm sáng trắng, có khi ăn cơm khan chỉ chan nước mưa, động thớt, hế bên đó đựng dĩa, động bát là biết ngay, muốn ăn thì lặn vào bếp, lên ăn boóng được nhiều bữa nhờ môi. Ăn giả miệng, cái đói giáp hạt, nấu cháo độn rau tập tàng, ăn tộm lấm, con tì con vị được đánh thức, cứ nhao nhao lên như chào mào ăn dom, con nào cũng lành chanh, lành chổi, chỉ có hai bữa cơm đèn, bà bón cơm cho cháu, bà ăn cả thể nhá, thôi ta ăn khan một cái, gạo vừa đỏ vừa dón...*

### Vạn pháp quy nhất không

Với nguyên lý tánh không “Nhất là không, không là nhất”.

Điều mà linh mục Antoine de Fontes đã phiên âm từ buổi chữ quốc ngữ sơ khai:

- “Nhít la khuan, khuan la nhít”.

(Nguyễn Hữu Nhật – Tiếng Việt hay quá)

### Lại cái

Danh từ La'ki của Mã Lai biến thành Lìcáy của Chàm và Cái của Việt. Danh từ riêng của miền Nam "người lại cái", có nghĩa là bán nam bán nữ, chắc chắn là do danh từ Chàm mà ra, đó là "Càmay lagi lícáy" dịch ra là "đàn bà lại còn là đàn ông".

Ta nuốt mất chữ Càmay lagi, chỉ còn “*Lícáy*” biến thành “*lại cái*”.

Hiện nay người miền Nam vẫn thường nói sai là "đàn ông lại cái", chỉ vì họ không rõ căn nguyên và lại hiểu sai chữ “*cái*” là... “*đàn bà*”.

### Kiến Văn Tiểu Lục – Lê Quý Đôn

*Giới tửu hậu ngữ*

*Giới thực thời sân*

*Nhẫn nan nhẫn sự*

*Thuận bất thuận nhân*

Không nói sau khi uống rượu  
Không giận dữ khi đang ăn  
Nhịn được chuyện khó nhịn  
Thuận với người không thuận mình

### Văn bản Nôm xưa nhất

Từ năm 1975 đến năm 2009, có phát giác đáng kể nào về tuổi của chữ Nôm chăng?

Năm 1943 Dương Quảng Hàm tìm hiểu chữ Nôm chỉ mới biết đến bia Hộ Thành Sơn (1343). Năm 1975 Đào Duy Anh cho hay chứng tích chữ Nôm xưa nhất đã tìm được là một tấm bia ở Vĩnh Phú, khắc năm 1210.

Trước kia hễ nói đến chứng tích xưa nhất của chữ Nôm, người ta đều chỉ nói đến tấm bia Hộ Thành Sơn (tức núi Dục Thúy) ở Ninh Bình, mà nhà học giả người Pháp H. Maspéro đã nhắc đến trong một chú thích của bài: “Nghiên cứu ngữ âm học lịch sử về tiếng Việt Nam” và nói rằng trên tấm bia ấy ông thấy có khoảng hai chục chữ Nôm ghi tên các làng xóm. Ông không

cho biết những chữ Nôm ấy là những chữ gì, mà chính cái bia ấy cũng chưa ai được thấy nó. Có người đến núi Dục Thúy để tìm thì cũng chẳng thấy tấm bia ấy ở đâu. Song tấm bia ấy dù có còn hay không thì điều ấy cũng không quan trọng gì, vì đó không phải là chứng tích xưa nhất của chữ Nôm. Chúng ta sẽ thấy có chứng tích của chữ Nôm xưa hơn, thuộc về thời nhà Lý.

Năm 1963, ông Trần Huy Bá có đề cập một cái chuông đồng của chùa Vân Bản ở Đồi Sơn mà năm 1958 ngư dân vớt được ở đáy biển lên. Ông thấy trong những hàng chữ Hán khắc ở thành chuông có lẫn ba chữ Nôm là “xứ Ông Hà”.

Theo những hàng chữ ấy thì biết rằng những người xây dựng bốn cái tháp có tiếng ở thời Lý là tháp Báo Thiên (1057), tháp Đồi Sơn (1058), tháp Cổ Châu (chùa Đậu), tháp Xá Lý (chùa Khương Tự). Ông Trần Huy Bá bằng cứ vào chữ Bính Thìn mà đoán rằng chuông được đúc vào năm Bính Thìn 1076 đời Lý Nhân Tôn.

Sau chuông đồng Vân Bản thì đến tấm bia chùa Tháp Miếu huyện Yên Lãng tỉnh Vĩnh Phú đề đầu năm 1210 đời Lý Cao Tôn là chứng tích xưa có nhiều chữ Nôm hơn nữa với hai chục chữ Nôm khác nhau. Vậy thì bài văn bia thời Lý này là chứng tích chữ Nôm đầy đủ xưa nhất mà chúng ta còn giữ được.

(Thu Tứ - Chữ nôm - nguồn gốc, cấu tạo, diễn biến)

### Đánh cờ

Có người nghi ngờ bài *Đánh cờ* không chắc có phải là của bà Hồ Xuân Hương. Vì bài thơ “vay mượn” ý từ bài dân ca vùng Tô Châu bên Tàu. Phùng Mộng Long cuối thời Minh chép lại bài dân ca trai gái đánh cờ tướng có những câu như sau:

**“Thạch pháo đương đầu tu phòng lưỡng hiệp xa”**

*(thấy pháo đầu phải đề phòng xe thọc hai bên)*

Hay:

**“Dạng đạo nhĩ nhất tốt chiếm tâm giáo ngã nan động di**

*(ngờ đâu một con tốt của anh vào cung khiến em không động đậy gì được).*

(Tạ Quang Khôi – tạp chí Tân Văn)

### Giá sách cũ làng văn 54-75

Năm 1956, người khai sinh và điều khiển chương trình Tao đàn là thi sĩ Đinh Hùng gồm Thanh Nam, Thái Thủy, Hoàng Thư (Trần Thủ Lưu Đồn), Huy Quang Vũ Đức Vinh, Tô Kiều Ngân, Hoàng Thư, Thanh Hùng, Hồ Điệp, Giáng Hương, Hoàng Oanh.

(Phan Lạc Phúc – Kỷ niệm Tao Đàn)

### Việt Tấn Xà

Cuộc họp mặt đầu tiên của các phóng viên, nhân viên của Việt Tấn Xã (VTX) sau ngày mất miền Nam Việt Nam hồi tháng Tư 1975, đã diễn ra tại San Jose, California.

Tính ra cũng đã có đến gần 20 người có mặt, hầu hết đều đã ngoài tuổi 60 hay hơn nữa, và tóc đều đã bạc trắng, trong khi có nhiều người còn ở trong nước, đã gọi điện thoại sang “góp tiếng- chung vui” trong cuộc họp mặt, trong đó có các cựu phóng viên Trần Trọng Thức, Trần Thị Duyên, Trương Lộc...

Mặc dù có nhiều thành viên Việt Tấn Xã đến từ các tiểu bang khác nhau của Hoa Kỳ, hay cả từ ngoại quốc (cựu phóng viên Nguyễn Ninh Quang Anh Tử đến từ London, Anh Quốc hay cựu phóng viên Trần Công Sung đến từ Paris, Pháp...) đã có mặt sau mấy chục năm xa cách, với sự chung vui của đông đảo các cựu sinh viên báo chí của Giáo sư Nguyễn Viết Khánh, Khổng Trọng Hình, Nguyễn Hồng Đức và các cựu thành viên VTX có mặt, có các cựu phóng

viên như Nguyễn Quang Dũng, Huỳnh Văn Hiếu, Phạm Hoàng Thúc, Phan Thanh Tâm, Nguyễn Trần Anh, Song Thi, Tăng Hoàng Vy, Lê Phú Nhuận... hay các cựu phiên dịch viên, như Lê Gia Thụy, Vũ Giáng Tuyết, Trần Nhạc Sư... nhân viên thuộc phòng đánh máy như Phạm Thị Mận, Minh Phú... cùng một số thân hữu xa gần khác.

Nhiều cựu nhân viên Việt Tấn Xã ở xa không đến tham dự được cuộc họp mặt, cũng đã gọi điện thoại đến chúc mừng gồm các ông Nguyễn Ngọc Bích, Trần Văn Ngô, Lê Thiệp, Lê Hùng, v..v..

(Lê Thụy - Cuộc họp mặt của Việt Tấn Xã)

### **Thất xuất**

Luật Hồng Đức đời Lê bảo vệ phụ nữ với con gái được hưởng thừa kế tài sản như con trai hoặc được quyền từ hôn nếu chồng có ác tật, hay phạm tội. Cho phép vợ có quyền bỏ chồng nếu 5 tháng chồng không..."đi lại" với vợ.

Trong khi "thất xuất" là luật Gia Long phỏng theo Tàu với chồng có 7 cơ để bỏ vợ:

1 - Không có con. 2 – Dâm dật. 3 – Không thờ cha mẹ chồng. 4 – Trộm cắp. 5 – Lắm điều. 6 – Ghen tương. 7 – Có ác tật.

(Trần Ngọc Thêm – Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam)

### **Tiếng Việt dễ và...dễ thương**

Các câu ví von miền Bắc :

- Lợn đầu cau cuối.
- Lợn đói cả năm không bằng tằm đói một bữa.
- Lợn giò bò bắp.
- Mổ lợn đòi bèo, mổ mèo đòi mỡ.
- Nuôi lợn ăn cơm nằm, nuôi tằm ăn cơm đứng.
- Lợn ăn xong lợn nằm lợn béo, lợn ăn xong lợn réo lợn gầy.
- Lợn chê chó có bọ.
- Lợn chuồng chái, gái cửa buồng.
- Lợn đói một bữa bằng người đói nửa năm.
- Lợn không cào chó nào sữa.
- Lợn nước mạ, cá nước rươi.
- Lợn rọ chó thui.
- Lợn thá gà nhốt.
- Trơ trơ như thủ lợn nhìn thầy.
- Giàu nuôi lợn đực, khổ cực nuôi lợn cái.
- Giàu nuôi lợn nái, nghèo nuôi chó cái, gà con.

(Trau dồi tiếng Việt - ĐatViet.com)

### **Tục ngữ Ta và Tàu**

Qua sông đấm bồi vào sóng

Niệm hoàn liễu kinh, đá hòa thượng  
(*Kinh kệ xong xuôi, đá ngay hòa thượng*)

(Nguyễn Lập Sơn – Dư Phát Linh)

## Thành hoàng hay thần hoàng

*Thành hoàng* xuất phát từ chữ Hán: *Thành* là cái thành, *hoàng* là cái hào bao quanh cái thành; là một từ dùng để chỉ vị thần coi giữ, bảo trợ cho cái thành. Nhà văn Sơn Nam cho biết thêm: Ông thần ở đình làng gọi là Thần thành hoàng, cai quản khu vực trong khung thành. Thoạt tiên là thần ngự trị nơi thị tứ, sau áp dụng nơi thôn xóm, có điểm canh bố trí bao quanh... theo thông lệ, thờ thần đàn ông, vì khí dương đem sức mạnh cho muôn loài. Và gọi *Thần hoàng* là sai nghĩa, vì cái tên này chỉ là thứ nghi lễ đốt tờ giấy vàng, tức bản sao sắc phong do nhà vua tặng cho cha mẹ, ông bà đã qua đời của quan chức; và tục này ở trong Nam không có.

Bởi vậy, khi trích lại đoạn viết về tục "thờ thần" ở trong sách "Việt Nam phong tục" của Phan Kế Bính, nhà văn Sơn Nam trong sách "Thuần phong mỹ tục Việt Nam" đã sửa từ "*Thần hoàng*" ra "*Thành hoàng*" cốt để người đọc không còn lầm lẫn giữa hai thứ.

Điểm đáng chú ý khác nữa, vì là vùng đất mới, nên ở trong Nam nhiều đình làng, thần chỉ có tên là *Thành hoàng Bốn cảnh*. Theo sách "Minh Mạng chính yếu", quyển thứ 12, năm Minh Mạng thứ 20 (1839), thì nhà vua đã chuẩn y lời tâu của Bộ Lễ xin hạ lệnh cho các địa phương lập thêm thần vị Bốn cảnh. Đây là chức vụ mới, lúc trước không phổ biến. Lê Phục Thiện, người dịch sách trên chú giải: Thành hoàng là vị thần coi một khu vực nào. Bốn cảnh là cõi đất nơi mình được thờ. Nhà văn Sơn Nam cho biết bởi đây là dạng viên chức được vua ủy quyền, trong rất nhiều trường hợp, không phải là con người lịch sử bằng xương bằng thịt. Do vậy, đa phần không có tượng mà chỉ thờ một chữ "thần".

(Bùi Thụy Đào Nguyên – Thần Thành hoàng)

## Tiếng Việt dễ mà lại khó

Tui thích tập tành trồng trọt.  
Cái gì tui cũng trồng (ngoại trừ "răng")

(Trau dồi tiếng Việt - ĐatViet.com)

## Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Ai khuyên ta đúng khi ta sai là thầy ta.  
Ai la lối ta sai khi ta đúng. Đúng là... vợ ta!

## Thuốc Lào

Sách *Xích kinh* chép : Nuốt thuốc hít khói có thể làm cho người ta say. Nước Nam ta lúc đầu không có cây thuốc lá ấy. Từ năm Canh-tý tức niên hiệu Vĩnh Thọ thứ 3 (1660) đời vua Lê Thần Tông nhằm niên-hiệu Thuận Trị thứ 16, người Ai-lao mới đem đến, dân nước ta bắt đầu trồng cây thuốc lá. Do đó mới gọi là *thuốc Lào*.

Như vậy, nếu Lê Quý Đôn nói đúng, dân Đàng Ngoài chỉ được biết thuốc này ít ra là 40 năm sau dân Đàng Trong.

*Ba ngày có thể không ăn,  
Hút thì không thể cấm ngăn một giờ.*

Năm Ất-tý niên-hiệu Cảnh-trị thứ 3 (1665) đời vua Lê Huyền Tông, triều-đình đã hai lần xuống lệnh chỉ nghiêm cấm, lùng bắt những người trồng thuốc, bán thuốc và lén hút thuốc, nhưng rốt cuộc không dứt tuyệt được. Người ta phần nhiều khoét cột tre làm ống điếu cày và chôn điếu sành xuống đất. Lâu dần lệnh cấm bãi bỏ. Nay thì việc hút thuốc lá đã thành thói thông thường.

Trong Từ điển Việt-Bồ-La có ghi thuốc là: *tabaco*. Ăn thuốc: *tomar tabaco*. Từ điển Việt- Bồ-La, ghi chú thêm *reino dos laos* ; *laorum regnum royaume des Lao*, vương quốc của người Lào. Như vậy *thuốc Lào* là thuốc *ngoại* được nhập khẩu qua đường Lào.

Lê Khả Kế - Nguyễn Lân dịch *thuốc Lào* là "*tabac pour pipe à eau*" là thuốc để hút với điều nước: "*tabac rustique*" là thuốc lá theo lối nông thôn, quê kệch.

(Đông Phong Nguyễn Tấn Hưng – Thuốc lá, thuốc Lào)

### Tiếng Việt không đơn giản

Tôi mới nhận email 1 người bạn và tôi được giải thích như sau :  
Trong cổ thi có câu "quan quả cô đơn " là quan phu và quả phụ đơn lẻ chiếc bóng.  
Phu là người chồng (thí dụ: chinh phu là người chồng đánh trận ngoài biên ải).  
Vậy vợ chết người ta gọi chồng là quan phu, chồng chết người ta gọi vợ là quả phụ...

Chắc mình đọc âm là góa phụ, chắc dzậy !!!!

(Trau dồi tiếng Việt - ĐatViet.com)

### Đoạn Trường Tân Thanh

Đoạn Trường Tân Thanh, sáng tạo dựa vào tác phẩm cổ của đời Minh có tên là Kim Vân Kiều, truyện của Thanh Tâm Tài Nhân (hoặc Thanh Tâm tài tử), cuốn truyện này bản sao chép tay hiện còn lưu giữ tại Thư Viện trường Viễn Đông Bác Cổ, Pháp. Kim Vân Kiều Truyện của Thanh Tâm Tài Nhân là câu chuyện có thật do Mao Khôn, một người trong quân đội Hồ Tôn Hiến ghi lại trong sách Ký Tiểu Trừ Từ Hải Bản Mạt.

Câu chuyện về sau có nhiều tác giả viết lại thêm nhiều tình tiết hơn, chẳng hạn như Lý Thúy Kiều Truyện của Đại Sĩ Lâm, Vương Thúy Kiều Truyện của Dư Hoài...

Tóm lại, cốt truyện Kim Vân Kiều Truyện có nhiều điểm giống Truyện Kiều của Nguyễn Du. Nhận định của Phan Khôi thì cụ Nguyễn Du "Không phải hoàn toàn sáng tác, lại càng không phải là một truyện dịch...". Nhưng Kim Vân Kiều Truyện của Thanh Tâm Tài Nhân không phải là một tác phẩm xuất sắc trong văn học cổ Trung Hoa, còn Đoạn Trường Tân Thanh là một kiệt tác.

(Thái Tú Hạp - Sứ trình mùa xuân phương Bắc)

### Lá diêu bông là gì?

Tôi đã không cầm nổi nước mắt khi viết những dòng này:  
*"Lá Diêu Bông là gì? Có cái gì trên đời này gọi là lá Diêu Bông? Vậy thì tìm đâu cho thấy lá Diêu Bông? Nhưng chính cái ý nghĩa mơ hồ của nó và cái âm hưởng của nó sao cứ vắng vắng như là tiếng gọi, tiếng kêu, tiếng khẩn cầu của ai đó trên cánh đồng trống vắng của một buổi chiều đông bị gió đồng thổi bạt đi thành ra càng trở nên xa vắng hơn và nghe mơ hồ như là tiếng gió: "gió quê vi vút gọi".*

*Có phải là linh hồn của đồng quê ta cất lên thành tiếng đó không? Có phải là linh hồn của các thôn nữ ngày xưa, của những cô Tấm, những Ngọc Hoa, Cúc Hoa, những Xuý Vân đến chết vẫn còn vương vấn trên mảnh đất này với niềm khao khát yêu thương đó chăng? Hay là chính linh hồn ta đó, hoà cùng linh hồn đất nước, cất lên thành tiếng gọi thiết tha trên đồng chiều bạt gió:*

*Diêu Bông hời!... ới Diêu Bông!..."*

(Hồi ký Nguyễn Đăng Mạnh)

## Sở cuồng

Đời Xuân Thu có người ở nước Sở tên Tiếp Dư tính tình hay tị thế. Một hôm Khổng Tử gặp anh ta và muốn nói chuyện, nhưng anh ta thần nhiên vừa hát vừa đi. Và tự xưng mình là anh cuồng nước Sở.

Do đó mọi người gọi Tiếp Dư là “Sở cuồng” (tên điên nước Sở).

## Tục ngữ Tàu

Biện tửu bất nan tình khách nan  
Tình khách bất nan, khoản khách quan

*(Bày tiệc không khó, mời khách khó  
Mời khách không khó, đãi khách khó)*

(Nguyễn Lập Sơn – Dư Phát Linh)

## Giai thoại làng văn 54-75

Về thiên tài thi ca Bùi Giáng phải chờ đến hơn một năm sau, từ Nghệ Thuật đình bản, tôi (Mai Thảo) sang trông coi tờ Văn chung với Nguyễn Xuân Hoàng mới thực hiện được. Cũng nhờ số Văn này mà tôi mới nhìn thấy và hiểu được sự không hiểu của tôi với sự ngược nghịch giữa Bùi Giáng tháng ngày rong chơi với Bùi Giáng một tuần lễ cả ngàn câu thơ, cả ngàn trang sách. Số Văn ấy, phần nhận định nhờ Thanh Tâm Tuyền, Ninh Chữ, Tuệ Sỹ, Trần Tuấn Kiệt... viết. Bài phỏng vấn Nguyễn Xuân Hoàng thực hiện. Phần giới thiệu những bài thơ mới nhất là tôi. Chưa biết kiếm tìm Bùi Giáng ở đâu, thi sĩ bất ngờ ghé thăm tòa soạn. Ông ấy chỉ còn là da bọc xương trong quần áo thùng thình, mái tóc dài đạo sĩ, cái túi vải còn thêm cây gậy. Kéo ông ra trước báo quán chụp chung tấm hình làm kỷ niệm rồi tôi hỏi xin ông những bài thơ mới nhất.

Ông gật. Tường lấy ở túi vải ra. Hoặc nói về lấy, hoặc nói hôm sau. Tất cả đều không đúng. Ông hỏi mượn một cây bút, xin một xấp giấy, một chai bia lớn nữa, đoạn ngồi xuống, và trước sự kinh ngạc cực điểm của chúng tôi, bắt đầu tại chỗ làm thơ. Lần đầu tiên tôi thấy Bùi Giáng viết, thoăn thoắt, vùn vụt, nhanh không thể tả. Như thơ không thể từ đầu, từ tim chảy xuống, lâu quá, mà ngay từ ngọn bút từ đầu ngón thoi.

Chai bia còn sủi bọt, ông ngồi viết không ngừng, tự dạng nắm nốt chỉnh đốn, chỉ một thôi đã xong hơn hai mươi bài thơ, chúng tôi cầm lên coi, thấy bài thơ nào cũng khác lạ. Lần đó, tôi đã hiểu tại sao Bùi Giáng cứ cánh bướm rong chơi, cứ phiêu bồng lãng du mà vẫn có ngay nghìn câu một buổi. Đúng là ngủ ra thơ, thờ ra thơ, uống la-de, hút thuốc lá ra thơ. Mà thơ không ai sánh bằng, thơ không ai đuổi kịp.

Ông uống cạn chai la-de, lập lại ba tiếng bất hủ “vui thôi mà”.

(Mai Thảo – Vài kỷ niệm với Bùi Giáng)

## Truyện Kim Dung

Vào khoảng năm 1961, 1962 báo Đồng Nai của Huỳnh Thành Vị đăng liên tiếp truyện kiếm hiệp của Kim Dung. Người dịch ký tên là Từ Khánh Phụng. Thật ra Từ Khánh Phụng là Tiền Phong. Một người anh em Minh Hương trước chuyên đóng kịch ở Hà Nội và dịch những kịch bản danh tiếng của Trung Hoa như “Lôi vũ”, “Nhật xuất” ra Việt ngữ. Và anh em văn nghệ vẫn thường gọi đùa anh là “Sơn Phoóng”.

Vào trong Nam, sau “*Hồng hoa hội*”, “*Bích huyết kiếm*” anh dịch “*Cô gái Đồ Long*” đăng trên báo Đồng Nai...

(Phan Lạc Phúc - báo Ngày Nay)

### Bánh da lợn

Đây là một loại bánh ở miền Nam.

Tại sao không kêu là bánh da heo vì heo là tiếng Nam, lợn là tiếng Bắc. Có sự gì người Bắc lại không “Nói toạc móng lợn” mà lại “Nói toạc móng heo”.

### Thăng bù nhìn

Quyền trọng ra uy trấn cõi bờ  
Vốn lòng vì nước há vì dưa  
Xét soi trước mặt đôi vừng ngọc  
Vùng vẫy trên tay một lá cờ  
Dẹp giồng chim muông xa phải lánh  
Dễ quân cày cuốc gọi không thừa  
Mặc ai nhảy nhót đường danh lợi  
Ở nước đầm đìa hạt móc mưa

Bài thơ này được đặt tên là *Thăng bù nhìn*, người cho là của Lê Thánh Tông (\*), hay của Hồ Xuân Hương, người khác cho rằng của người đời sau làm (*Hoàng Xuân Hãn*).

Còn một thăng bù nhìn nữa, nằm trong *Hồng Đức quốc âm thi tập* (1470-1497). Bài thơ mang tên *Cảo nhân* (nghĩa là người làm bằng cành cây khô, hay bằng rơm rạ), nội dung gần giống bài thơ chép bên trên. Chỉ có thăng bù nhìn thứ ba mới đích danh là thăng bù nhìn, được chính Tản Đà (1889-1939) đặt tên:

Lơ lảo kìa ai đứng cạnh bờ  
Trần ai tri kỷ đã ai chưa?  
Ba thu mưa gió người trơ mộc  
Bốn mặt giang sơn áo phát cờ  
Được việc thể thôi, cày chẳng biết  
Khinh đời ra dáng, gọi không thừa  
Lâu nay thiên hạ vẫn minh cả  
Bác mấy ngàn năm vẫn thế ư?  
(Thăm thăng bù nhìn)

Cả hai bài thơ đều tả thăng bù nhìn đứng ngoài cánh đồng, đuổi chim. Xem vậy thì nhân vật bù nhìn đã có mặt tại nước ta ít ra cũng hơn năm thế kỉ rồi. Bàn đến nguồn gốc hai chữ bù nhìn có mặt trong ngôn ngữ Việt Nam từ lúc nào? Khó trả lời chính xác. Một điều chắc chắn là hai tiếng bù nhìn đã có mặt trong ngôn ngữ Việt Nam trễ nhất cũng là từ năm 1926, năm bài thơ *Thăng bù nhìn* được đăng trong sách *Văn Đàn Báo Giám* của Trần Trung Viên. Cũng vào thời kì này, năm 1928, Nguyễn Văn Ngọc soạn sách *Tục ngữ Phong dao*, đã sưu tầm được thành ngữ *bù nhìn giũ dưa*. Thành ngữ này nằm chung với nhiều câu tục ngữ phong dao cổ xưa của Việt Nam, khiến nhiều người nghĩ rằng bù nhìn cũng đã có mặt trong ngôn ngữ Việt từ lâu rồi?

Rất có thể là như vậy.

(Phụ chú: \* chương trình Việt văn lớp đệ ngũ của Bộ quốc gia giáo dục VNCH xếp bài này của vua Lê Thánh Tông cũng như bài “Đế miếu Chàng Trương”)

(Nguyễn Dư – Chim viết.free.fr)

### Câu đối trong ca dao

Trên đồng ruộng hãy nghe chị gái đối:

“Con công, con rùa, con cua, con rồng – Anh mà đối đặng nằm chổng trên bụng em”

Dưới đồng sâu, anh giai đáp:

“Con cáo, con sóc, con cóc, con sáo – Anh đã đối đặng, nhẩy phóc lên bụng em, anh nằm”

## Hội nhà văn I

Hội Nhà văn Việt Nam chính thức được thành lập tại Hà Nội vào tháng 4 năm 1957, thoạt đầu có 60 hội viên, đến năm 1983, tăng lên 317 hội viên chính thức và 53 hội viên dự bị. Trong danh sách hội viên ấy có hai người trước đây vốn cầm bút và nổi tiếng tại Sài Gòn, nhờ những hoạt động nằm vùng cho cộng sản, được kết nạp rất sớm sau năm 1975: Vũ Hạnh và Sơn Nam.

Giữa năm 1989, theo bản Dự thảo báo cáo của Ban chấp hành Hội Nhà văn, con số hội viên chính thức đã lên tới 477 người, trong đó, theo thể loại: về thơ có 138 người, về văn có 234 người, về kịch bản có 12 người, về lý luận phê bình có 36 người, về dịch thuật có 20 người.

(Nguyễn Hưng Quốc – Hội nhà văn Việt Nam)

## Truyện chớp - BỐ

Truyện chớp hay cực ngắn có truyện chỉ một vốc chữ, thậm chí một dúm câu. Nhưng truyện vẫn có hồn, có cốt, có tráng qua một chút văn chương. Nghĩa là đọc nó, người ta không có cảm giác ngọt nhạt như bị vo nén lại rồi nhét vào trong cái ống điếu...

“...Về già, bố hay uống rượu. Nhà nghèo, mẹ vẫn lo cho bố đủ ngày ba bữa. Được cái, chưa bao giờ thấy bố say. Ngược lại, rượu vào hình như bố tỉnh ra...

Không hiểu bố, một lần tôi bảo: Bố uống ít thôi! Bố nhìn tôi, mặt bệch ra. Mẹ chạy vào: Ai cho phép con được nói với bố như thế ?!

... Tôi đi làm xa. Bố mất! Ngày giỗ đầu, tôi mua một chai rượu Tây trị giá tương đương hai chỉ vàng. Hết tuần nhang, mẹ bảo hạ mâm. Nhìn chén rượu rót cho bố vẫn còn nguyên, tôi khóc...”

## Tiếng Việt dễ mà lại khó

Ngày xưa, các cụ khăn đóng, áo dài the, xô đôi guốc mộc kéo nhau ra đình làng...*đánh chén!* Có thể hiểu là ăn & *nhậu*. Bây giờ mà bảo nhau *đi chén*, hay *đánh chén* thì đa phần là chỉ... *đi ăn*.

Chén là cái cốc nhỏ nhỏ để uống rượu uống trà đó bà con. Chứ hông phải như *cái chén* ở miền Nam dùng ăn cơm (gọi là cái bát).

Ngoài Bắc không có nước tương xì dầu (hoặc ít lắm) nhưng có tương ớt. Còn bánh phở thì nghe nói là không có luôn nên toàn dùng...bánh hủ tiếu đó.

(Trau dồi tiếng Việt - ĐatViet.com)

## Vương Thúy Kiều

Bấy lâu nay ai cũng nằm lòng Đoạn Trường Tân Thanh, sáng tạo dựa vào tác phẩm cổ của đời Minh có tên là Kim Vân Kiều, truyện của Thanh Tâm Tài Nhân, cuốn truyện này bằng sao chép tay hiện còn lưu giữ tại Thư Viện trường Viễn Đông Bác Cổ, Pháp. Câu chuyện về sau có nhiều tác giả viết lại thêm nhiều tình tiết hơn, chẳng hạn như Lý Thúy Kiều Truyện của Đại Sĩ Lâm, *Vương Thúy Kiều Truyện* của Dư Hoài...

Tuy nhiên, *Vương Thúy Kiều Truyện* của Dư Hoài còn tựa đề nữa là “*Phong tình cổ lục*” có nhiều điểm giống *Truyện Kiều* của Nguyễn Du.

- Ngay trong Truyện Kiều, Nguyễn Du đã viết:

*Cảo thơm lần giở trước đèn*

*Phong tình cổ lục còn truyền sử xanh*

- Truyện gồm 20 chương, mỗi chương đều có lời bình của Kim Thánh Thán.

- Chương 20, đoạn Kim Trọng đến sông Tiền Đường lập đàn giải oan cho Thúy Kiều rồi đọc bài văn tế của Tống Ngọc – Có thể từ bài văn tế này, Nguyễn Du đã sáng tác ra bài “*Văn tế thập loại chúng sinh*” bằng thể song thất lục bát dài cả mấy trăm câu.

- Cũng chương 20, *Vương Thúy Kiều Truyện* thì Kim Trọng làm quan đến chức Ngự sử, Vương Quan thăng phó sử Hồ Quảng. Vương Quan, Thúy Vân đều có một con trai

- Lời bình của Kim Thánh Thán chương 20:

Rút cục Vương Thúy Kiều chết mà hóa sống, trời cũng chịu lòng người, nghĩ mà sượng thay.

Khúc tái hợp kia chẳng qua là câu chuyện bịa đặt của Dư Hoài. Sự hoang đường ấy có phần hơn Trang Tử. Ta thì ta cho là cái công của tác giả bày ra khúc tái hợp cũng chẳng kém chi bà Nữ Oa vậy.

(Mộng Bình Sơn – Tình sử Vương Thúy Kiều)

### Chữ với nghĩa

Tiếng Việt có nhiều chữ với nghĩa trái ngược hẳn nhau. Nhưng nói hay viết thành câu thì lại đồng nghĩa như:

“Quân ta đánh *thắng* quân Tàu” - “Quân ta đánh *bại* quân Tàu”.

Hay: “Máy bay ném bom *trúng* nhà dân” - “Máy bay ném bom *lâm* nhà dân”. Hoặc giả như:

“Mùa đông phải mặc áo *ấm*” - “Mùa đông phải mặc áo *lạnh*”

(Trà Lũ – báo Thời Báo)

### Ca dao và lịch sử

Nguyễn Hoàng được chúa Trịnh Kiểm ở Đàng Ngoài cho vào trấn thủ Thuận Hóa, đến lúc vững mạnh cũng xưng chúa ở Đàng Trong. Rồi đôi bên gây nên cuộc Nam Bắc phân tranh, kéo dài đến non nửa thế kỷ. Họ đánh nhau liên miên, xây thành đắp lũy kiên cố, hiểm trở để phòng chống nhau, thế nên có câu tục ngữ về địa danh thời bấy giờ:

*Hiểm nhất lũy Thầy*

*Thứ nhì đồng lầy Võ Xá*

(Phương Nghi - Tạp chí Tài hoa trẻ)

### Giai thoại về một cái tên

Năm 1953, trận Thanh Hương là đề tài một bài bút ký chiến tranh của Bernard Falls với nhan đề là *Con Đường Buồn Thiu* (The Street Without Joys). Đó là tựa đề một cuốn sách nổi tiếng của tác giả viết về chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất (1945-54).

Cũng ở *Con Đường Buồn Thiu* năm 72, chiến tranh Đông Dương lần thứ hai, với hai phóng viên chiến trường có mặt ở đây. Quảng đường mười cây số ngang Hải Lăng bị các chốt pháo từ trên núi cách một vài cây số liên tục nã vào để chặn đường rút lui. Đoàn người di chuyển trên Quốc lộ 1 gồm quân nhân miền Nam đã thất lạc đơn vị, mất chỉ huy và không còn đội hình, có khi mang theo cả gia quyến, lẫn vào với dân cư Đông Hà, Quảng Trị. Đoàn người hỗn

loạn, lớp lính, lớp dân, lớp dân trộn vào với lính, bằng đủ loại phương tiện, từ chạy bộ quang gánh đến quân xa, xe đồ, xe lam, xe máy. Bỏ qua con số chính xác thì trong đó đã có hàng ngàn người bỏ xác trên đường. Phóng viên Dương Phục hỏi Lê Thiệp đại khái như chữ nghĩa nào để tả cảnh tang thương ngẫu lục này, không nghĩ ngợi Lê Thiệp buột miệng: *Đại lộ kinh hoàng*.

Và cái tên *Đại lộ kinh hoàng* đã đi vào chiến sử như *Mùa hè đỏ lửa* của Phan Nhật Nam.

## Văn hóa cà phê

Trời mưa. Tôi cúi đầu rào bước. Đẩy cửa kính tôi bước vào Barnes & Noble. Vào tiệm tôi rẽ tay phải tiến đến quầy Starbucks gọi ly cà phê Americano. Rồi tôi chọn một cái bàn gần chỗ vách tường có lỗ cắm điện, mở cặp lấy chiếc laptop cúi xuống gắn giấy điện. Từ ngày về hưu tôi có thói quen buổi sáng sau khi đi bộ xong thì mang laptop vào quán Starbucks để viết. Tôi viết gì đây? Nhìn màn ảnh trống hồng tôi suy nghĩ.

Nhưng khi những dòng chữ được tôi trải ra trên màn máy vi tính chưa được một trang tôi đã phải vội vàng xóa đi ngay vì đọc lại tôi thấy chúng quá nhạt nhẽo. Những dòng chữ hiện lên vô hồn và trần trụi như xương của những chiếc lá chết. Chúng không phản ánh hình ảnh lẫn cảm xúc trong tôi. Tôi đổi sang một truyện khác nhưng rồi lại xóa bỏ. Cứ như thế dăm ba lần. Sau hai tiếng đồng hồ miệt mài đánh vật với con chữ rồi lại xóa đi tôi mệt nhọc bỏ cuộc. Màn ảnh chiếc laptop lại hiện lên nguyên hình như lúc tôi chưa bắt đầu. Trống trơn.

Bên ngoài mưa tạnh, nắng lên, trời sáng hẳn ra. Thế là đã vừa chẵn một năm tròn. Kể từ đêm giao thừa năm ngoái với Thế Uyên, người em họ hơn tôi năm tuổi. Tôi nhìn toàn thể khung cảnh trong Barnes & Noble và nhớ ra rằng tôi đến tiệm sách này cũng là do Thế Uyên nói: –Ông nên đến đó xem thử. Thoải mái lắm. Hơn cả thư viện. Trong đó có Starbucks. Uống cốc cà phê tha hồ mà đọc sách chùa...

Tôi đáp:

–Starbucks? Thế thì tôi phải đến, mang theo laptop để viết. Không phải tôi ghiền cà phê Starbucks mà ghiền cái không khí của quán cà phê này. Thiếu cái không khí đó tôi viết văn không ra, ông ạ!

–Thôi chết... Ông bị “điều kiện hóa” rồi! Cũng như bao năm tôi cứ đinh ninh không có điều thuốc lá thì văn tịt ngòi. Bây giờ mới biết mình nhầm. Bác sĩ bắt mình bỏ thuốc, vẫn viết được như thường.

(Nguyễn Tường Thiết – Một buổi sáng của một ngày hưu)

## Họ Hồng Bàng

Chữ “hồng” ghép bởi hai chữ “giang” là “sông nước” và “điều” là chim. “Bàng” là “lớn”. Hồng bàng là loại chim nước lớn.

(Trần Ngọc Thêm – Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam)

## Tam tự kinh

Tam tự kinh là quyển sách do Vương Ứng Lâm đời nhà Tống viết để dạy trẻ con học vỡ lòng chữ Hán. Mỗi câu có ba chữ.

## Giai thoại làng văn

Tôi không biết Nam Cao bắt đầu viết từ lúc nào, nhưng cái bút hiệu “Nam Cao” nổi bật lên cho đến bây giờ cũng là do một tình cờ. Ngọc Giao đi Sài Gòn, tôi là thư ký tòa soạn cho “Tiểu Thuyết Thứ Bảy” bị tràn ngập bài vở, nên không đọc xuể.

Một buổi chiều không có bạn bè đến chơi, tôi không biết làm gì trong khi ngồi chờ cơm, rút một tập ở trong những chồng bài cũ ra để đọc. May mắn làm sao tôi lại được đọc một truyện của Nam Cao, và ngay mấy câu đầu tôi đã thích thú vì lối hành văn với những câu kệch cỡm, nghịch ngợm, có khi dớ dẩn nhưng đậm đà có duyên. Truyện ấy đăng lên “Tiểu Thuyết Thứ Bảy” được đọc giả để ý liền. Tôi lại lục tập bài cũ tìm nữa, thấy hai truyện khác, đăng luôn và nhắc Nam Cao trong mục thư tín viết tiếp gửi về. Đến truyện thứ năm, thứ sáu thì các anh em văn nghệ bàn tán rất nhiều và bắt đầu hỏi Nam Cao là bút hiệu của anh nào vậy.

Đến cuối tháng ấy, Nam Cao lù lù tìm đến nhà tôi. Anh đến nhà báo, Trần Kim Dần chỉ sang nhà tôi ở cách báo quán độ mười bước đường. Lần thứ nhất, gặp Nam Cao, tôi có cảm tưởng anh là một người hiền lành, tử tế. Tôi có cảm tình liền, đi ăn nhà hàng, lại có thể có một thanh niên chừng hai mươi bốn, hai mươi lăm tuổi không biết món vây là cái gì, và hỏi cơm chiên đã có lạp xường và trứng rồi hà cứ gì lại phải ăn vây, và “thịt bò Tây hồ” cho tốn tiền? Về sau này, tôi giữ nguyên cảm tình của tôi đối với Nam Cao Trần Văn Trí, một nhà văn dí dỏm, chua chát lại sâu xa, nhưng chân thật và hồn nhiên, không nhà văn nào so sánh được.

(Vũ Bằng – Bốn mươi năm nói láo)

### **Mây tản, tuyết tan, hoa tàn, nguyệt tận**

Câu trên thỉnh thoảng vẫn bắt gặp trong những bài viết, nguồn từ câu thơ của Mạc Đĩnh Chi khóc công chúa Tàu: *“Y (ôi)! Vân tán, tuyết tiêu, hoa tàn, nguyệt tận”*.

### **Hội nhà văn II**

Trong nhiệm kỳ thứ nhất, từ năm 1957 đến năm 1958, đứng đầu Ban chấp hành là Nguyễn Công Hoan (chủ tịch), Tú Mỡ (phó chủ tịch), Tô Hoài (tổng thư ký) và ba ủy viên thường vụ: Nguyễn Đình Thi, Tế Hanh, Đoàn Giỏi.

Trong cuộc đấu tranh chống lại nhóm Nhân văn – Giai phẩm, tinh thần của Nguyễn Công Hoan cũng như một số ủy viên trong Ban chấp hành Hội Nhà văn bị giao động mạnh khiến giới lãnh đạo miền Bắc nổi giận ra lệnh triệu tập Hội nghị Ban chấp hành Hội Nhà văn vào ngày 2-7-1958 để cách chức Tô Hoài, đưa Nguyễn Đình Thi lên nắm chức tổng thư ký và trên thực tế, hoàn toàn vô hiệu hoá chức chủ tịch và phó chủ tịch của Nguyễn Công Hoan và của Tú Mỡ.

Đến Đại hội Hội Nhà văn lần thứ hai, được tổ chức tại Hà Nội 1963, chức danh chủ tịch và phó chủ tịch dành cho người đứng đầu Hội Nhà văn bị bỏ hẳn. Thế vào đó là danh hiệu tổng thư ký. Chức tổng thư ký lọt vào tay Nguyễn Đình Thi.

(Nguyễn Hưng Quốc – Hội nhà văn Việt Nam)

### **Tiếng Việt dễ mà lại khó**

Có 1 cô gái nói với Hải khi Hải về VN:

- Bác biết không? Quê em ở "Quảng Linh" lên em "lẩu lượm" ngon cực kì.

Hông biết có phải tiếng Việt không nữa?

(Trau dồi tiếng Việt - DatViet.com)

### **Chữ nghĩa làng văn**

Miền Nam cũng là xứ nông nghiệp, nhưng cách làm ruộng cũng khác miền Bắc nhiều lắm. Chữ nghĩa cũng vì thế cũng đổi theo. Rất nhiều chữ, từ miền Bắc vào Nam không ai dùng nữa, vì xã hội đã thay đổi, như:

*Nghề hàng xáo, ruộng chân nhất đẳng, nhị đẳng, ruộng mật điền, rau muống lợn, đi đong gạo, dậm lại mái nhà, ngày con nước, đi lưới, cái niêu, nôi đất, chỉnh dầu, rổ rá, dao quay, dao nhựa, một bồ, vuông thóc, giấy lạt, dùi đục, cái cối, đồng cối, cái chĩa xẻ, cái gáo, cái chum, cái lọ độc bình, cái phen nửa, bát chiết yếu, tậu 3 mẫu ruộng, vác thúng, cái lồng ấp.*

Chữ sau đây cũng xưa lắm rồi, nhưng đến là hay: *nhà xí*. Trong Nam gọi là nhà cầu, *siêu đun nước, cái áo quan, cái nhị tầu, khay đèn, quạt lông, đèn ló, cái sập, cái phản, quần nái* (quần dệt bằng một thứ hàng tơ tầm sợi thô, nhuộm đen), *cái bình phong, con thò lò, đĩa phải vôi, giọng kẻ bẻ, cái trống che, cót lúa, một bồ, vuông thóc, gạch bát tràng, gạch lát bồ cau* (lát xiên và dựng nghiêng viên gạch) *gạch vò, cái mả, rồi có cái mả, đê lao, cái lọ*. Tỉ dụ : *xách hai cái lọ đi kín nước*. Chữ *kín nước* nghe thật hay, nhưng cũng ít được ai dùng tới nữa. *Cái màn* (mùng). Rồi từ đó thay vì nói đi ngủ, người ta còn nói vào *màn*.

## **Ai lên thú Lạng**

*A ời ơi...*

Thứ nhất thì bầu Chi Lăng

Thứ hai cây khế Đồng Đăng Kỳ Lừa

Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa

Có nàng Tô Thị, có chùa Tam Thanh

Ai lên xứ Lạng cùng anh

Tiểu công bác mẹ sinh thành ra em

Tay cầm bầu rượu, nắm nem

Mãi vui quên hết lời em dặn dò

Gánh vàng đi đổ *sang Ngô*

Đêm nằm mơ tưởng đi đò sông Thương

*A ời ơi...*

Theo một tác giả biên khảo dòng họ Nguyễn Gia, tứ đại đồng đường ở Lạng Sơn thì bài ca dao cổ *Ai lên thú Lạng* diễn tả tâm sự người lính thú ở biên thùy vùng mạn ngược và kể lể vụ nộp cống người vàng:

- "*Gánh vàng*": đời Lê-Mạc (1428-1788) Tàu bắt ta mỗi 2 năm mỗi phải triều cống 2 tượng người bằng vàng y rông (đại thân kim nhân). Để thế mạng cho Liễu Thăng và Lương Minh bị Lê Lợi giết chết ở ải Chi Lăng (lệ này được bãi bỏ thời Quang Trung).

- "*Sang Ngô*": chỉ Đông Ngô của Tôn Quyền thời Tam Quốc.

- "*Sông Thương*": lính thú mơ tưởng ngày về được xuôi dòng sông Thương đổ vào sông Lục Nam trở về với gia đình.

- "*A ời ơi...*": câu đầu và câu cuối với ba chữ *A ời ơi...*

(Nguyễn Gia Liên – Văn hóa truyền thống Việt Nam)

## **Tục ngữ Ta và Tàu**

No cơm ẩm cật rậm rật mọi nơi

Bảo noãn tư tâm dục, cơ hàn khởi đạo tâm

(Ẩm no lại tưởng dâm tà, đói rét sinh trộm cướp)

(Nguyễn Lập Sơn – Dư Phát Linh)

## **Tiếng Việt Tiếng Mường**

Xét về ngôn ngữ văn phạm của Mường và Việt giống hệt nhau:

*Ăn ra khói nói ra lửa*

*Ăn za khuê nói za lửa*

*Đẻ cho quỉ xa ma sợ*

*Tê co kwi sa ma đượi*

*Vía lúa ơi, về đụn về nhà mà ở  
Piái ló ơi, vên tun vên nhà ma ở!*

*Cơm như vàng ròng  
Kơm như yang rong*

*Danh từ Vua, thì họ nói là Bua. Trời, thì họ nói là Blời. Các cổ đạo ngày xưa tại Việt Nam cũng viết là Bua, Blời, không phải vì các ông không biết âm Tr, mà bởi vì thuở đó ta cũng giống dân Mường đều không có âm Tr. Trái cây họ đọc là Tlai kê, Trái ngang họ nói là Plái ngang, Trâu họ kêu là Tlu vv...*

(Tĩnh Túc - thanh.nguyen@student.uni-ulm.de)

### **Ta khác Tàu**

Ta gọi “*an phận thủ thường*”, Tàu kêu “*an phận thủ kỹ*”.  
Ta kêu “*thượng lộ bình an*”, Tàu đọc...”nhất lộ bình an”.

### **Tác phẩm đầu tay**

Khoảng cuối thập niên 50, nhớ là buổi trưa rảnh rỗi, tôi (Mai Thảo) ghé vào thăm một diễn đàn bạn. Người bạn đang cảm cúai bạn làm việc, tôi kéo ghế ngồi hút thuốc lá, thấy ở cạnh mình có cái rổ rác đựng đầy những bản thảo gửi, không đặng và liệng bỏ đi. Buồn tay tôi nhặt những bản thảo ấy lên coi. Cuối cùng, và ở tận đáy cái sọt rác là một bản thảo truyện ngắn.

Tôi đọc mấy dòng đầu và giật mình vì ló vào truyện mạnh dạn, mới lạ... Đọc tiếp mấy trang nữa, tôi hỏi người bạn: “Bỏ đi tất cả đây à?”. Người bạn không ngẩng đầu lên: “Ừ đã đọc và không đặng”. “Moi lấy đi đượi không?”. “Để làm gì vậy”, người bạn ngạc nhiên hỏi: “Mặc moi”, tôi nói và cất cẩn thận cái truyện ngắn bị vứt đi vào túi áo. Tôi trở về đặng ngay nguyên vẹn trên tờ Sáng Tạo.

Ấy là truyện ngắn đầu tay, truyện ngắn thứ nhất *Rượu chưa đủ* của Dương Nghiễm Mậu.

Sau *Rượu chưa đủ* đến tìm tôi và đưa thêm những truyện ngắn mới, với nụ cười tươi tắn, nụ cười hóm hỉnh. Mậu khoan thai đi bộ trên hè phố về, tay cầm cái ô đen. Lần sau cùng, thời gian này Mậu được thả ra từ trại giam Phan Đăng Lưu Gia Đình cùng với Hoàng Anh Tuấn, Nguyễn Hữu Hiệu và Nhã Ca. Tôi nhìn thấy cây dù hiện triết trước bên kia rạp chiếu bóng Trương Minh Giảng.

Lần đó, kẻ bên này đường, kẻ bên kia đường, tôi đang bị truy lùng ráo riết, nên chỉ nhìn nhau gật đầu, vẫy tay chào, không ai đứng lại. Khoảnh khắc ngắn ngủi nhưng tôi nhớ vừa đi vừa còn nhìn lại, nhìn cây dù đen văn chương xa dần, lòng đầy quý mến...

(Mai Thảo – Con đường Dương Nghiễm Mậu)

### **Hàn Mặc Tử hay Hàn Mặc Tử**

Hoài Thanh trong *Thi nhân Việt Nam* cho rằng bút danh của Nguyễn Trọng Trí Hàn Mặc Tử chứ không phải là Hàn Mặc Tử.

Vì “*hàn mặc*” là bút mực, còn “*hàn mặc*” thì vô nghĩa.

(Nguyễn Cẩm Xuyên – Lá trúc che ngang mặt chữ điền)

## Dấu chấm không đơn giản

Dấu chấm phẩy (;) là tín hiệu tương tự dấu chấm lửng (:):

Sau dấu này (;), có khi viết thường, có khi viết hoa. Nhiều tác phẩm, ta thấy các phần độc lập trong câu được ngăn cách bằng dấu chấm phẩy, chữ tiếp theo vẫn viết thường. Thế nhưng, ở nhiều văn bản hành chính, nhất là phần "căn cứ", "chiếu theo", "xét đề nghị"... nêu đầu tiên, thì sau các dấu chấm phẩy lại là xuống dòng và viết hoa.

(Nguồn: e-cadao.com)

## Chữ nghĩa thập niên 20

*Chuồn chuồn* – Bên Tàu có giống chim đỗ quyên, đỗ vũ, tử quy.

Ở nước ta, có một thứ chim cứ đến mùa hè kêu cả đêm rồi chết rạc, người Bắc gọi là chim cuốc.

Người Trung gọi là *chuồn chuồn*.

(Tôn Thất Lương – Xuân Mộng)

## Giai thoại làng văn

Về giới phê bình, được nhắc nhở nhiều nhất chắc là một câu nói tương truyền của Nguyễn Tuân: "Khi tôi chết, hãy chôn theo một vài thằng phê bình để tiếp tục cãi nhau."

(Nguyễn Hưng Quốc – Sáng tác và phê bình)

## Hội nhà văn III

Ngoài việc đánh giá và tặng thưởng cho một số tác phẩm văn học trong năm, Hội Nhà văn còn tổ chức được một số trại sáng tác và các cuộc hội nghị về văn học. So với cái hệ thống tổ chức công kênh như vậy, những thành tích đạt được quả là khiêm tốn. Trong chiều hướng nói thẳng, nói thật để phê bình và tự phê bình, nhà phê bình văn học Nguyễn Đăng Mạnh phát biểu:

"Lâu nay Hội có đấy mà cũng như không. Chẳng có mấy ai có ý thức về sự tồn tại của nó trong đời sống xã hội... Hội không có bất kỳ một tí quyền hành nào. Sách, báo, bài vở của hội viên do những nơi nào duyệt kia, chứ Hội không được "ý kiến" vào đấy. Ngay cả công việc tổ chức của Hội, hội viên cũng không được quyền quyết định. Phải một thời gian dài, hai mươi năm liền (từ 1962 đến 1982) mới họp được Đại hội lần *thứ ba*, nhưng lại mất dân chủ trầm trọng".

Đại hội lần *thứ tư* của Hội Nhà văn, nhà thơ Diệp Minh Tuyền viết:

"Đảng lãnh đạo Hội Nhà văn bằng đường lối, phương hướng, chủ trương, chỉ thị. Nhà văn phục tùng sự lãnh đạo của đường lối Đảng, khác với kiểu "gọi dạ, bảo vâng" đối với người phụ trách".

Cuối cùng, ý của Diệp Minh Tuyền và Nguyễn Đăng Mạnh giống nhau: "Lâu nay Hội có đấy mà như không".

(Nguyễn Hưng Quốc – Hội nhà văn Việt Nam)

## Nét đặc biệt trong tiếng Huế

Tiếng Huế không phải chỉ đơn giản *tê mô răng rứa* như vẫn xuất hiện trong thơ văn với những nét chấm phá dễ thương nói về người Huế, xứ Huế; mà nhức đầu, phức tạp, nhiều khê, đa dạng và phong phú hơn nhiều. Tùy vào từng địa phương của Huế, cách phát âm có chỗ nặng

nơi nhẹ; lúc thanh tao khi khó hiểu.

Xin được đơn cử một câu rất Huế, một tâm sự kín đáo giữa hai o đang tuổi lấy chồng: "*Tau nói với mi ri nì, en còn ở dón, rứa mà bữa tề tề, en chộ tau phơi ló ngoài cươi, en kiêu tau vô, bồng tau lên chờn, cái ba . . . en đấ . Mi quai chượng khôn?*"

Sở dĩ tâm sự kín đáo vì đây là chuyện riêng của hai người, nói bằng thổ ngữ, nhưng ý nghĩa thì như vậy:

*"Tao nói với mày như vậy, ảnh còn ở rể, vậy mà hôm kia kia, tao đang phơi lúa ngoài sân, ảnh kêu tao vào, bồng tao lên giường, rồi ảnh...Mày coi có kỳ không ?"*

(Nguồn ĐatViet.com)

### **Thêm bớt**

Trong *Tiểu thuyết thứ bảy*, Nguyễn Tấn Long và Nguyễn Hữu Trọng thêm vào 4 câu cuối bài *Tổng biệt hành* của Thâm Tâm.

*Đưa người ta không đưa sang công*

....

*Em thà coi như hơi rượu say*

Và 4 câu thơ lục điệu thêm vào là:

*"...Mây thu đầu núi, gió lên trăng  
Cơn lạnh chiều nao đổ bóng thâm  
Ly khách ven trời nghe muốn khóc  
Tiếng đời xô động, tiếng hồn câm..."*

(Xuân Đâu – Vài nét chấm phá trong thơ)

### **Làm giàu tiếng Việt**

Ta thường thấy trên sách báo trong nước chữ "*bị áp lực*". Tại sao không dùng chữ "cưỡng ép"? Tiếng Việt còn chữ mạnh hơn nữa là "ép buộc". "Bị áp lực" còn có hi vọng lọt ra khỏi vòng chữ đã bị "ép" lại thêm bị "buộc chặt" thì đổ chạy đâu cho thoát!

Bây giờ chữ thời thượng là "*kiếm sống*" chắc dịch từ chữ Pháp "gagner sa vie" hay từ tiếng Anh "to earn one's living", người ta không dùng đến "*kiếm ăn*" nữa (*Kiểu* : "Vay thuê viết mượn kiếm ăn lần hồi") phải chăng vì ngày nay đời sống cao hơn, "kiếm ăn" không không đủ phục vụ nhu cầu thường nhật, còn phải có những nhu cầu khác như giải trí chẳng hạn nên phải dùng "kiếm sống" cho đầy đủ ý nghĩa hơn?

Song hiển nhiên ta đang "*sống*" cần gì phải "*kiếm*" nó? Thế là không lô-gích!

(Nguyễn Thị Chân Quỳnh – "Bách Việt" nói tiếng "Bách ngữ")

### **Chữ nghĩa làng văn**

Chữ Nôm của Ta, người Tàu gọi là Tự Nam.